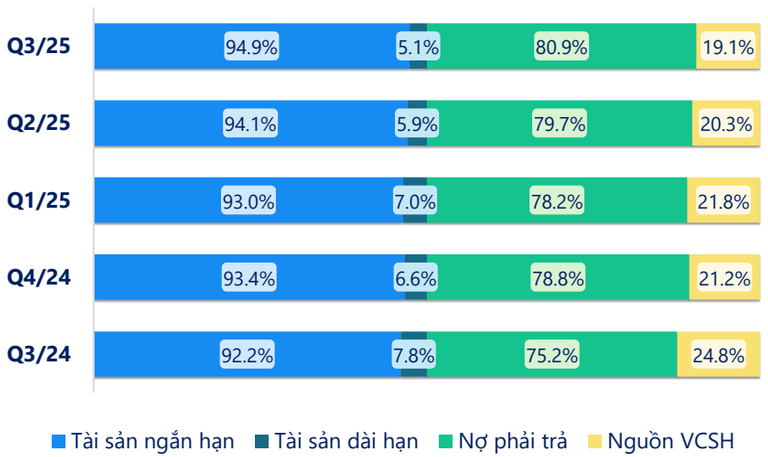
FireAnt

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	54
P/E	
EPS	

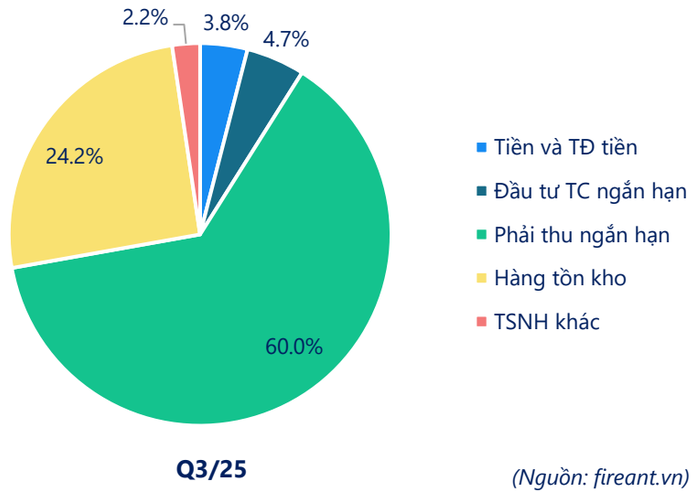
	YTD	1T	3T	6T
PEN	63.6%	-1.8%	20.0%	63.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



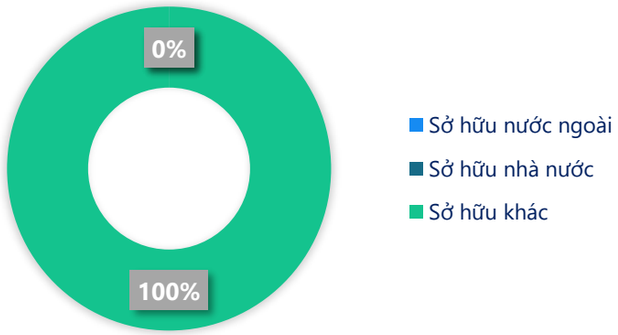
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



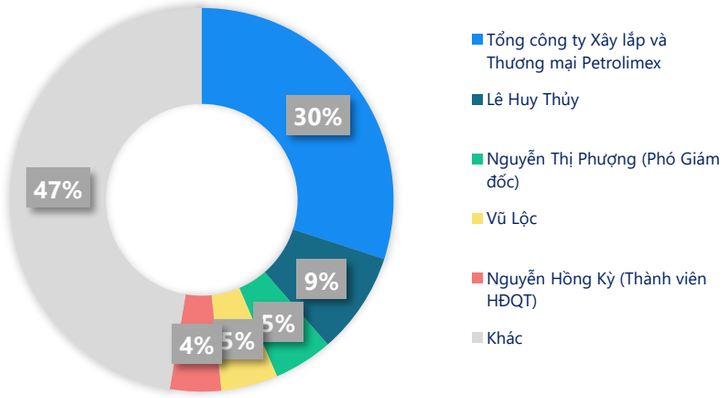
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



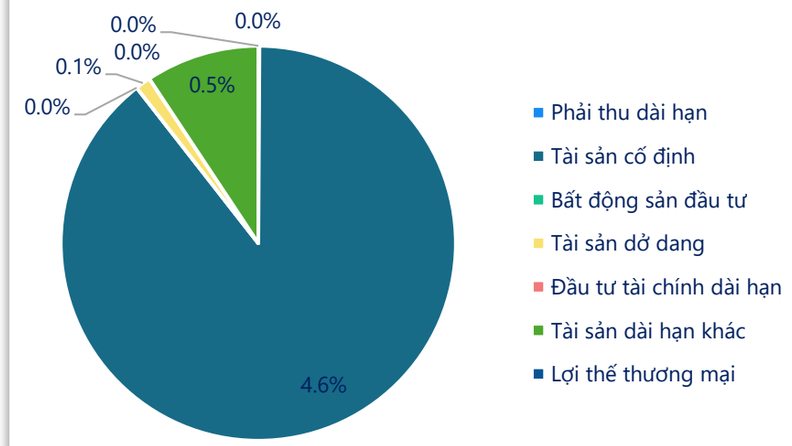
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

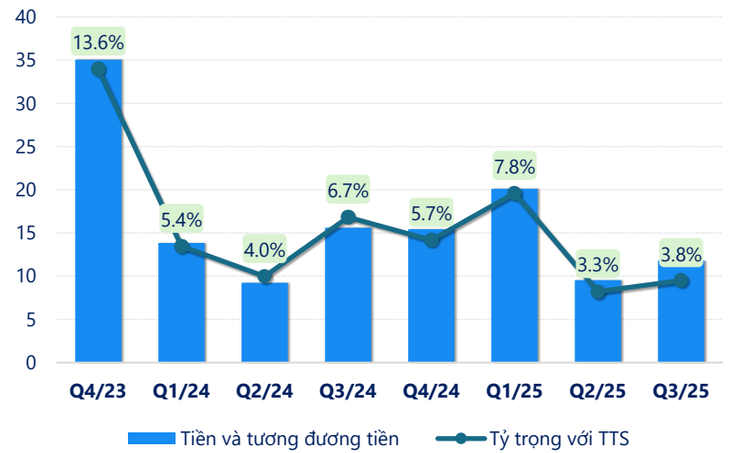


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

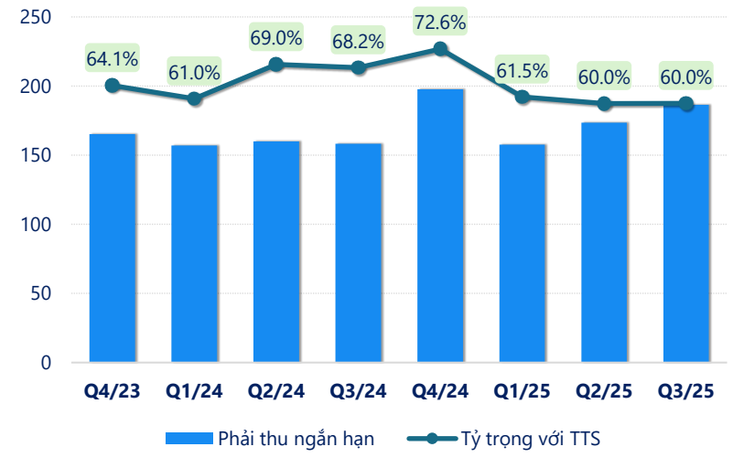
CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Tiền và tương đương tiền



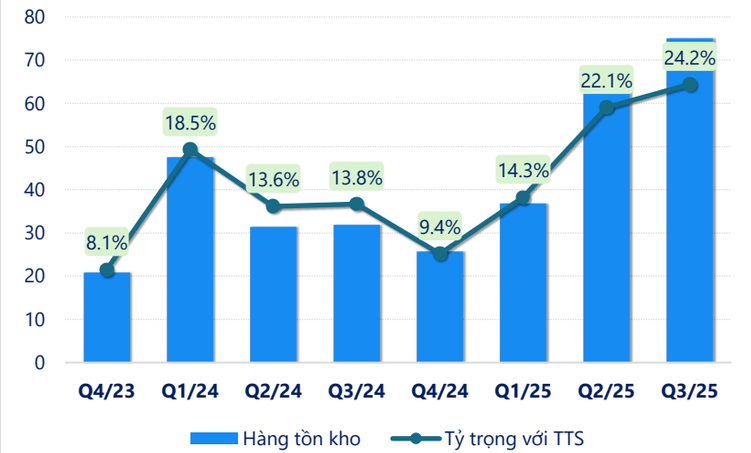
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



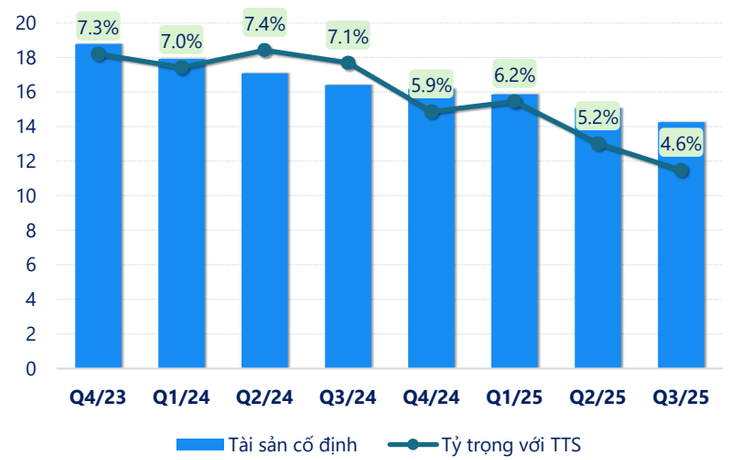
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



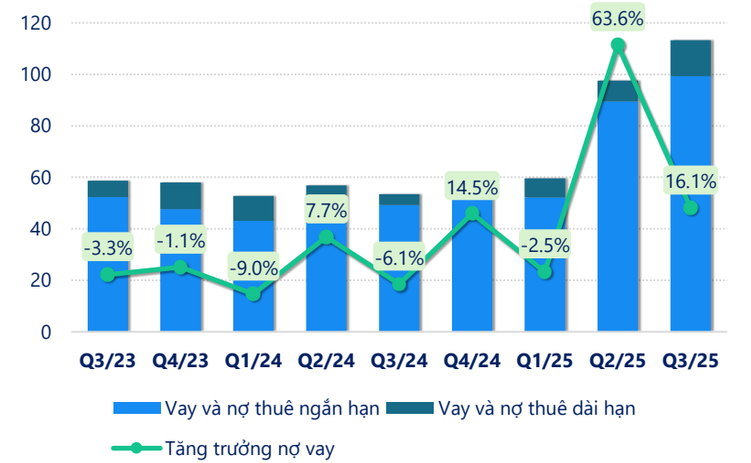
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



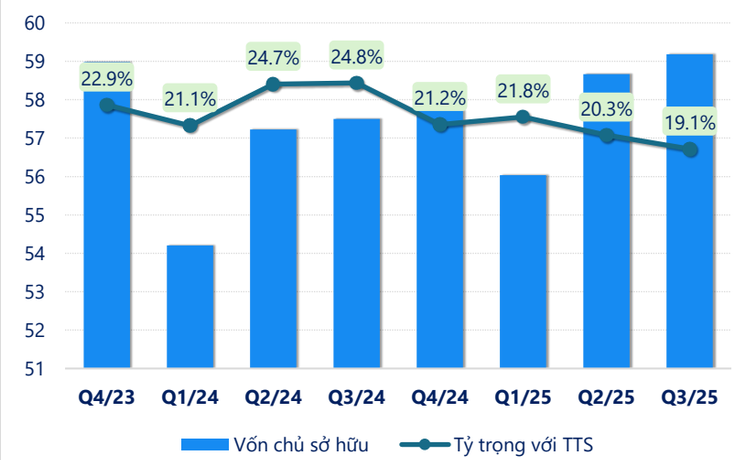
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

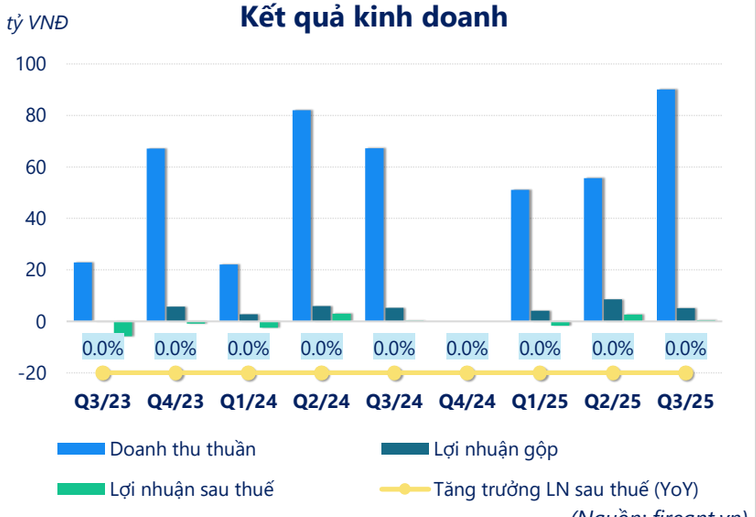


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

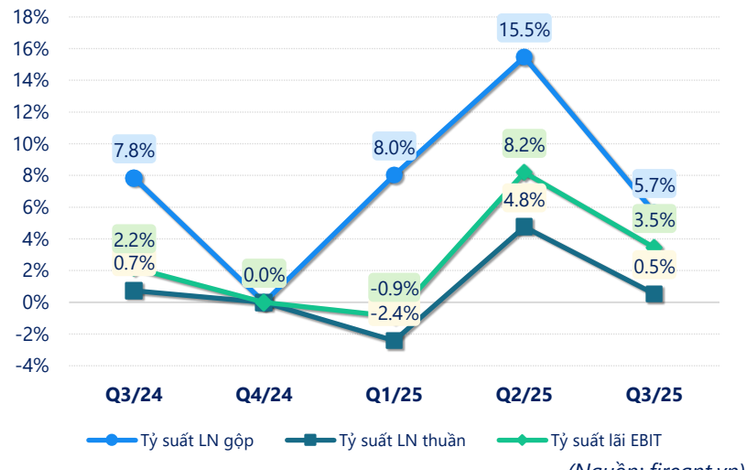
CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

Kết quả kinh doanh



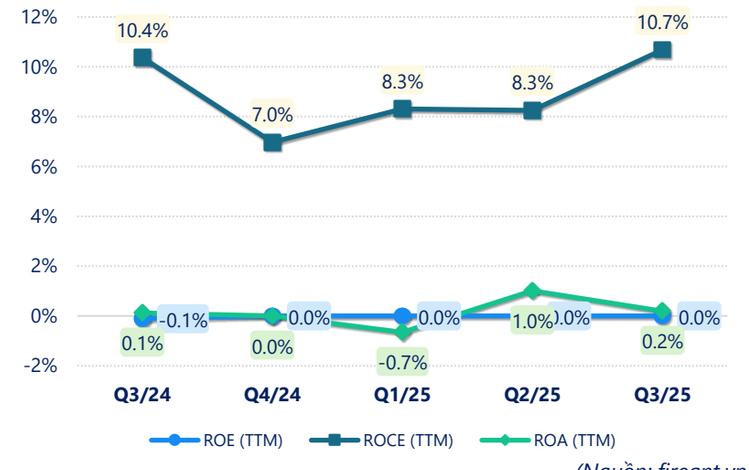
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



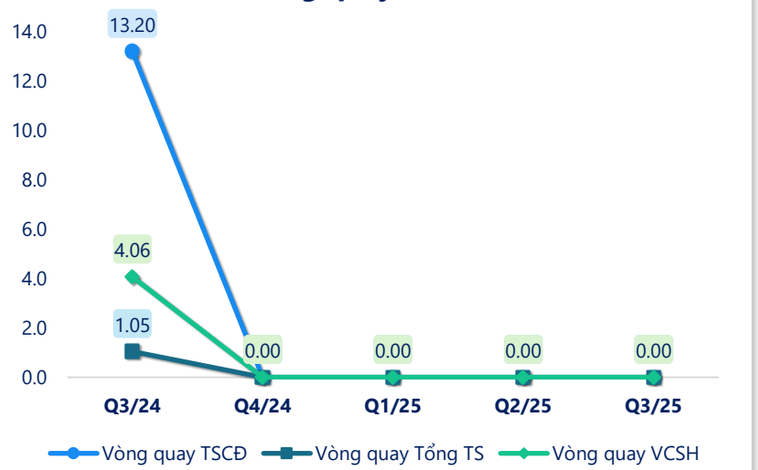
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



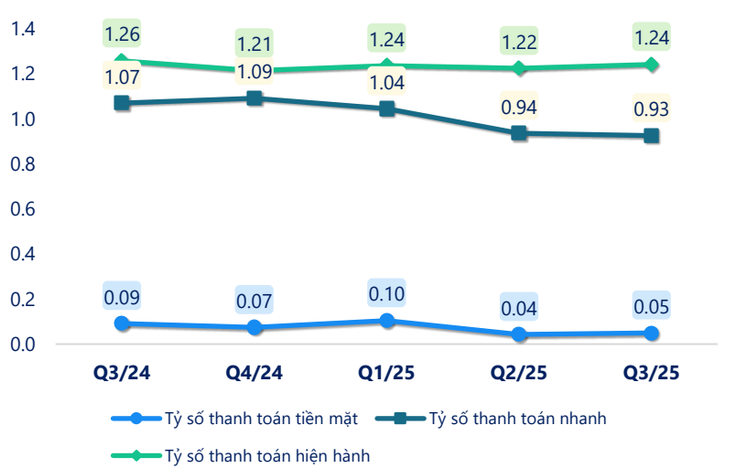
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



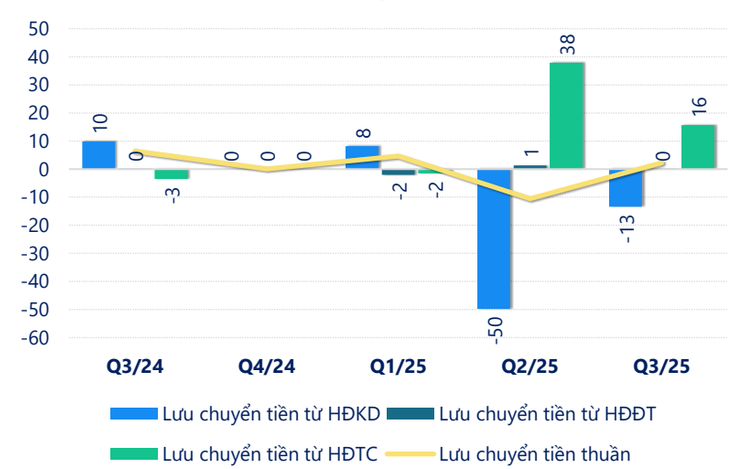
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây lắp III Petrolimex (HNX: PEN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**311**	**272**	**14.0%**
Tài sản ngắn hạn	295	254	15.8%
Tiền và tương đương tiền	11.8	15.4	-23.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.6	9.16	59.1%
Phải thu ngắn hạn	186	198	-5.8%
Hàng tồn kho	75.0	25.7	192%
Tài sản ngắn hạn khác	6.92	6.35	9.0%
Tài sản dài hạn	**16.0**	**18.1**	**-11.6%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.01	50.0%
Tài sản cố định	14.3	16.2	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.36	-44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.49**	**1.49**	**-0.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	251	215	17.1%
Nợ ngắn hạn	**237**	**210**	**13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.2	56.1	77.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.8	35.7	-27.7%
Nợ dài hạn	14.1	5.14	174%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.0	5.09	175%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**59.2**	**57.7**	**2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**59.2**	**57.7**	**2.5%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	67.3		51.0	55.6	90.1
Giá vốn hàng bán	62.0		46.9	47.0	85.0
Lợi nhuận gộp	5.28		4.10	8.61	5.10
Doanh thu HĐTC	1.16		0.18	0.54	3.40
Chi phí TC	0.99		1.37	2.33	2.63
Chi phí lãi vay	1.19		1.23	1.92	2.59
LN trong công ty LKLD	0		0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07		0.01	0.07	0.03
Chi phí QLDN	4.89		4.13	4.11	5.35
LN thuần từ HĐKD	0.49		-1.23	2.65	0.49
Lợi nhuận khác	-0.22		-0.45	-0.01	0.03
LN trước thuế	0.28		-1.68	2.63	0.52
Lợi nhuận sau thuế	0.28		-1.68	2.63	0.52
LNST của CĐ cty mẹ	0.28		-1.68	2.63	0.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.82	0	8.20	-49.8	-13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0	-2.04	1.34	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.46	0	-1.53	37.9	15.7
Tiền đầu kỳ	9.24	0	15.4	20.1	9.52
Lưu chuyển tiền thuần	**6.38**	**0**	**4.63**	**-10.5**	**2.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.03	-0.03	0.00
Tiền cuối kỳ	15.6	0	20.1	9.52	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic